

DỰ THẢO

**ĐỀ ÁN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON NĂM 2021**

I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng đề án)

1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu) và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

- Giới thiệu và sứ mệnh

1.1 Tầm nhìn

- Trường Đại học Trung Vương phát triển theo định hướng “Trường đại học nghiên cứu” và hướng tới trở thành trung tâm nghiên cứu tư vấn có uy tín ở khu vực trung du và miền núi phía Bắc, vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc.

- Đến năm 2025 được công nhận trong top 10 Trường đại học uy tín với quy mô đào tạo 10 nghìn sinh viên, học viên. Đến năm 2030 có ít nhất một ngành đạt chuẩn AUN-QA. Là cơ sở đào tạo chuẩn mực trong hệ thống giáo dục Quốc gia, tiến tới chuẩn mực của khu vực Asean và Quốc Tế.

1.2 Sứ mệnh

- Trường Đại Học Trung Vương cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Vĩnh Phúc cũng như trên cả nước. Tiến tới cung cấp nguồn nhân lực đạt chuẩn AUN-QA cho cộng đồng Asean và thế giới.

1.3 Giá trị cốt lõi

1.3.1 Thực hành

- Với các chương trình đào tạo được xây dựng theo cách tiếp cận CDIO “Hình thành ý tưởng - Thiết kế ý tưởng - Thực hiện - Vận hành”, phương pháp giảng dạy tập trung vào giải quyết các vấn đề thực tế, với đội ngũ giảng viên nhiều kinh nghiệm và các trang thiết bị giảng dạy, thực hành, thí nghiệm hiện đại, phong phú, cập nhật, phù hợp thực tiễn, Trường Đại học Trung Vương sẽ tạo nên những con người có nền tảng cơ bản vững vàng, có kỹ năng thực hành và biết vận dụng sáng tạo kiến thức vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh một cách chủ động.

1.3.2 Xuất sắc

- Trường Đại học Trung Vương được xây dựng, phát triển để trở thành một đại học xuất sắc trong các Trường Đại học Việt Nam và khu vực, nơi ươm mầm tài năng, tự do sáng tạo với cam kết phấn đấu xuất sắc trong tất cả các tiêu chí hoạt động: Đào tạo, Nghiên cứu khoa học. Tạo ra những con người phát triển toàn diện trí-lực, năng động-bản lĩnh-tự tin hội nhập với cộng đồng quốc tế, đảm nhận tốt công việc trong môi trường đa lĩnh vực, đa văn hóa và môi trường hợp tác khu vực Asean và trên thế giới.

1.4 Khẩu hiệu hành động : “ Chuẩn mực – Sáng tạo - Hội nhập”

- Địa chỉ các trụ sở

STT	Loại trường	Tên trường	Địa điểm	Diện tích đất	Diện tích xây dựng
1	Cơ sở đào tạo chính	Trường Đại học Trưng Vương	xã Kim Long, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc	13.000 m ²	5.000m ²

2. Quy mô đào tạo chính quy

STT	Theo phương thức, trình độ đào tạo	Quy mô theo khối ngành đào tạo						
		Khối I	Khối II	Khối III	Khối IV	Khối V	Khối VI	Khối VII
1.	Sau đại học							
1.1	Tiến sĩ							
1.2	Thạc sĩ							
1.2.1	Quản lý kinh tế (8310110)							601
2.	Đại học							
2.1	Chính quy						2	
2.1.1	Các ngành đào tạo trừ ngành đào tạo ưu tiên							
2.1.1.1	Điều dưỡng (7720301)						2	
II	Vừa làm vừa học							
1.	Đại học							
1.1	Vừa làm vừa học							
1.1.1	Quản trị kinh doanh (7340101)			44				
1.1.2	Kế toán (7340301)			56				
1.1.3	Luật kinh tế (7380107)			720				
1.1.4	Điều dưỡng (7720301)						526	
1.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học vừa làm vừa học							
1.2.1	Quản trị kinh doanh (7340101)			30				
1.2.2	Kế toán (7340301)			56				
1.2.3	Luật kinh tế (7380107)			770				
1.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học vừa làm vừa học							
1.3.1	Quản trị kinh doanh (7340101)			7				
1.3.2	Kế toán (7340301)			48				
1.3.3	Luật kinh tế (7380107)			657				

3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

3.1 Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

STT	Năm tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh			Ghi chú
		Thi tuyển	Xét tuyển	Kết hợp thi tuyển và xét tuyển	
1	Năm tuyển sinh 2020				Phương thức khác
2	Năm tuyển sinh 2019	x			

3.2 Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

Khối ngành/ Ngành/ Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Mã ngành	Năm tuyển sinh 2019			Năm tuyển sinh 2020		
		Chỉ tiêu	Số TS nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số TS nhập học	Điểm trúng tuyển
Khối ngành III							
Quản trị kinh doanh	7340101	50	31	16.5	31	50	16.5
Luật kinh tế	7380107	310	753	16.5	360	722	16.5
Kế toán	7340301	50	89	16.5	29	58	16.5
Khối ngành VI							
Điều dưỡng	7720301	200	353	19.5	150	37	19.5

II. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

1.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường: 13.000,4 m²
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có): 400m²
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: m²/sinh viên

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	12	3007
2	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	3007
3	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	0	0
4	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	2	0
5	Số phòng học dưới 50 chỗ	6	0
6	Số phòng học đa phương tiện	3	0
7	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	0	0
8	Thư viện, trung tâm học liệu	1	250
9	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	1	4080

1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
1	Phòng thực hành Tin học 1	CPU cấu hình Main giga H110/1151/core i3-7100, ram 4G/2400, bàn phím chuột Enshoho s50, HDD 500GB Toshiba: 60 bộ; Màn Samsung D19 350: 12 màn; Màn HP W185: 48 màn; Swith cisco 24 port: 3 chiếc; Path panel amp 48 port: 2 chiếc; Máy chiếu LB360, màn chiếu 1 bộ	Khối ngành III, VI
2	Phòng thực hành Tin học 2	CPU cấu hình Main giga H110/1151/core i3-7100, ram 4G/2400, bàn phím chuột Enshoho s50, HDD 500GB Toshiba: 35 bộ; - CPU cấu hình Main giga H110/1151/core i3-7100, ram 8G/2400, bàn phím chuột Enshoho s50, HDD 500GB Toshiba: 30 bộ; Màn hình HP led V194B: 30 chiếc; Màn HP S1932: 35 chiếc; Swith cisco 24 port: 3 chiếc; Path panel amp 48 port: 2 chiếc; Máy chiếu LB360, màn chiếu 1 bộ	Khối ngành III, VI
3	Phòng Lad Công nghệ thông tin	Tủ mạng 24U: 2 Chiếc; Switch Cissco 24 port: 2 Chiếc; Path panel 48 port: 1 Chiếc; Ổ lioa 4 lỗ : 5 Chiếc; Màn hình Sam Sung 743 Nx: 2 Chiếc; Màn chiếu Herin: 1 Bộ; Máy chiếu panasonic LB78: 1 Bộ; Router Tplink 841N: 1 Bộ; Switch Cissco 2800: 2 Bộ; Switch Cissco 2960: 2 Bộ; Sever Dell 2950: 2 Bộ; Router Vigor 3300v: 1 Bộ; Bộ chia	Khối ngành III, VI

		VGA: 1 Bộ; Tủ mạng 42U: 1 Bộ; Switch Cissco 2800: 1 Bộ; Router Cissco 3750: 1 Bộ; Sever Dell R710: 2 Bộ; Sever Dell R510: 1 Bộ; Máy tính CH E5300,HDD160, Main Asuz,Ram2GB/800: 7 Bộ; Máy Tính CH E6700, HDD250GB,Ram2GB/1300, Main Hp: 5 Bộ	
4	Phòng Nghiên cứu khoa học	Cân phân tích; Cân kỹ thuật; Bộ tạo chân không tuần hoàn nước; Máy cắt quay; Máy quang phổ tử ngoại khả kiến; Máy sắc khí lỏng hiệu năng cao; Máy siêu âm	Khối ngành VI
5	Phòng thực hành Điều dưỡng mô phỏng	Giường bệnh đa năng điều khiển điện; Trạm khám dấu hiệu sinh tồn treo tường DW105; Bộ treo đầu giường bệnh nhân Model: BH - GTR001; Mô hình thực hành các kỹ thuật điều dưỡng đa năng Model: M75B; Mô hình thực hành CPR Model: PP- JTM-100M' Màn ảnh	Khối ngành VI
6	Phòng thực hành Điều dưỡng cơ bản	Mô hình tiêm móng; Mô hình tiêm bắp, tĩnh mạch; Mô hình đa năng (nghe tim phổi, đo huyết áp, đếm mạch); Mô hình đặt ống thông; Mô hình rửa dạ dày; Mô hình thông tiểu nam; Mô hình thông tiểu nữ; Mô hình chọc dò; Bộ dụng cụ tiêm trong da; Bộ dụng cụ tiêm dưới da; Bộ dụng cụ tiêm bắp; Bộ dụng cụ tiêm tĩnh mạch; Bộ dụng cụ thử test; Bộ dụng cụ truyền dịch tĩnh mạch; Bộ dụng cụ truyền máu; Bộ dụng cụ cho người bệnh uống thuốc; Bộ dụng cụ bôi thuốc cho người bệnh; Bộ dụng cụ xịt thuốc mắt, mũi, tai; Bộ dụng cụ cho ăn bằng đường miệng; Bộ dụng cụ cho ăn bằng đường thông; Bộ dụng cụ chăm sóc răng miệng; Bộ dụng cụ rửa mặt; Bộ dụng cụ chải đầu, gội đầu; Bộ dụng cụ hút dịch dạ dày, tá tràng; Bộ dụng cụ lấy phân xét nghiệm; Bộ dụng cụ rửa bàng quang; Bộ dụng cụ chọc dò dịch não tủy; Bộ dụng cụ chọc dò màng bụng; Bộ dụng cụ chọc dò màng phổi; Bộ dụng cụ chọc dò màng tim; Bộ dụng cụ sơ cứu gãy xương cánh tay, cẳng tay, xương đùi, cẳng chân, gãy cột sống...; Bộ dụng cụ chườm nóng: chườm điện, chườm cao su, cồng, xe đẩy cồng bệnh nhân, cồng YDC 1A10, xe đẩy cồng XDC01, hộp đựng dụng cụ vô khuẩn các cỡ, nhiệt kế các loại, nhiệt kế thủy ngân thân nhiệt người, nhiệt kế điện tử; Huyết áp kế các loại; Huyết áp kế điện tử đo bắp tay – 7121; Huyết áp kế điện tử đo cổ tay - 6121; Huyết áp	Khối ngành VI

		<p>kế cơ; Bộ nẹp Inox 3 cỡ; Bộ nẹp gỗ 4 cỡ; Bàn tiểu phẫu; Bộ dụng cụ hút đờm, rãi; Bộ dụng cụ rửa vết thương; Bộ dụng cụ lấy máu xét nghiệm; Bộ dụng cụ lấy nước tiểu xét nghiệm; Bộ dụng cụ phòng chống loét; Đệm chống loét cao su; Đệm điện Lucas; Giường bệnh đa năng gồm Giường + đệm + bô+ 2 tay quay + bánh xe + thành giường; Tủ đầu giường; Đồng hồ bấm giây; Xe đẩy</p>	
7	Phòng Tiền lâm sàng	<p>Mô hình rau thai nhi; Hệ thống oxy; Bộ dụng cụ pha sữa, nấu bột; Mô hình người/manikin cấp cứu hồi sinh hô hấp tuần hoàn; Mô hình đầu người/manikin đặt nội khí quản; Bộ dụng cụ đặt Catheter; Đèn khám TMH, khám mắt...; Bóng bóp ambu; Canuyn Mayo; Hộp cấp cứu chống sốc; Cọc truyền và bộ truyền dịch; Cọc truyền; Bàn tiểu phẫu ; Cân, thước đo chiều cao; Bàn khám phụ khoa; Bộ dụng cụ kiểm tra cổ tử cung; Ống nghe tim thai; Thước đo khung chậu nữ; Bộ dụng cụ đặt nội khí quản; Bàn sản khoa; Đèn đọc phim 1 cửa; Đèn đọc phim 2 cửa; Đèn khám phụ khoa (đèn gù); Huyết áp kế+ống nghe; Các loại phim chụp XQ/MRI, CT-scanner điển hình như: thủng dạ dày, gãy xương...; Giường bệnh đa năng gồm Giường+đệm +bô+2 tay quay+bánh xe+thành giường</p>	Khối ngành VI
8	Phòng thực hành Giải phẫu sinh lý mô phôi	<p>Bộ xương người cỡ chuẩn; Mô hình xương người tháo rời; Mô hình hộp sọ (7 phần); Mô hình hệ cơ, tuần hoàn; Mô hình giải phẫu toàn thân(phủ tạng có thể tháo rời); Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi trên; Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi dưới; Mô hình giải phẫu hệ tuần hoàn; Mô hình tim; Mô hình giải phẫu hệ hô hấp; Mô hình gan; Mô hình phổi; Mô hình giải phẫu hệ tiêu hóa; Mô hình giải phẫu hệ tiết niệu; Mô hình giải phẫu hệ thần kinh; Mô hình cơ quan sinh dục nam; Mô hình cơ quan sinh dục nữ; Mô hình giải phẫu tai mũi họng; Mô hình da phóng đại 70 lần; Mô hình cắt ngang tử sống; Mô hình cắt lớp đầu, mặt; Các tranh giải phẫu- sinh lý hệ sinh dục nữ; Các tranh giải phẫu-sinh lý hệ sinh dục nam; Các tranh giải phẫu-sinh lý hệ tiết niệu; Các tranh giải phẫu-sinh lý hệ thính giác; Các tranh giải phẫu-sinh lý hệ hô hấp; Các tranh giải phẫu-sinh lý hệ giác quan; Các tranh giải phẫu-sinh lý hệ thần kinh; Các tranh giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi trên; Các</p>	Khối ngành VI

	tranh giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi dưới; Các tranh giải phẫu-sinh lý máu và tế bào máu; Các tranh giải phẫu-sinh lý hệ tuần hoàn; Các tranh giải phẫu-sinh lý hệ khứu giác; Mô hình não; Mô hình mắt (phóng đại); Mô hình cơ thể bán thân; Máy đếm bạch cầu bán tự động; Kính hiển vi 2 mắt; Máy điện tim 3 bút ghi; Điện cực	
--	---	--

1.1. Thông kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo...sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Khối ngành đào tạo	Số lượng
1	Khối ngành III	2500
2	Khối ngành VI	2500

1.2. Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh - trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành giáo dục Mầm non.

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh			
							Cao đẳng		Đại học	
							Mã	Tên ngành	Mã	Tên ngành
1	Lê Thị Tản	Nữ		ThS	Chính trị học	x				
2	Hoàng Ngọc Tú	Nam		TS	Triết học	x				
3	Ngô Đức Anh	Nam		ThS	Quản trị công nghệ	x				
4	Nguyễn Thị Hương	Nữ		ThS	TESOL	x				
5	Đỗ Văn Đạo	Nam		TS	Triết học	x				
6	Nguyễn Ngọc Hùng	Nam		TS	Quản lý giáo dục	x				
7	Lê Hồng Tiến	Nam		ThS	Quản trị kinh doanh				7340101	Quản trị kinh doanh
8	Nguyễn Thế Anh	Nam		ThS	Quản trị kinh doanh				7340101	Quản trị kinh doanh
9	Nguyễn Văn Năm	Nam		ThS	Quản trị kinh doanh				7340101	Quản trị kinh doanh
10	Nguyễn Văn Liên	Nam		TS	Quản lý giáo dục				7340101	Quản trị kinh doanh
11	Bùi Văn Hồng	Nam		TS	Kinh tế				7340101	Quản trị kinh doanh
12	Nguyễn Xuân Kiên	Nam		TS	Kinh tế				7340101	Quản trị kinh doanh
13	Phạm Ngọc Hoàng Khôi	Nam		TS	Quản trị kinh doanh				7340101	Quản trị kinh doanh
14	Phạm Đình Liệu	Nam		TS	Quản trị kinh doanh				7340101	Quản trị kinh doanh
15	Trần Thế Dũng	Nam	Phó giáo sư	TS	Kinh tế				7340301	Kế toán

16	Đặng Đức Sơn	Nam	Phó giáo sư	TS	Kế toán				7340301	Kế toán
17	Nguyễn Thị Hà	Nữ		ThS	Kế toán				7340301	Kế toán
18	Trần Thị Thu Hà	Nữ		ThS	Kế toán				7340301	Kế toán
19	Ngô Thị Yên	Nữ		ThS	Kinh tế				7340301	Kế toán
20	Nguyễn Xuân Khoát	Nam		TS	Kinh tế				7340301	Kế toán
21	Cao Thu Sơn	Nam		TS	Kinh tế				7340301	Kế toán
22	Nguyễn Vũ Nhật Anh	Nam		ThS	Quản lý kinh tế				7340301	Kế toán
23	Nguyễn Trọng Điều	Nam	Phó giáo sư	TS	Kinh tế				7340301	Kế toán
24	Nguyễn Duy Ninh	Nam		ThS	Công nghệ thông tin				7340301	Kế toán
25	Nguyễn Thế Long	Nam		ThS	Luật học				7380107	Luật kinh tế
26	Phạm Hồng Nhật	Nam		ThS	Luật học				7380107	Luật kinh tế
27	Nguyễn Lê Dân	Nam		ThS	Luật học				7380107	Luật kinh tế
28	Phạm Văn Đàm	Nam		TS	Luật				7380107	Luật kinh tế
29	Lê Hồng Thái	Nam		TS	Kinh tế				7380107	Luật kinh tế
30	Lưu Tất Thắng	Nam		TS	Kinh tế				7380107	Luật kinh tế
31	Lưu Văn Thành	Nam		TS	Kinh tế				7380107	Luật kinh tế
32	Hoàng Minh Thảo	Nam	Phó giáo sư	TS	Kinh tế				7380107	Luật kinh tế
33	Tăng Văn Tiền	Nam		TS	Kinh tế				7380107	Luật kinh tế
34	Nguyễn Minh Phú	Nam		TS	Luật				7380107	Luật kinh tế
35	Lê Cương Kiên	Nam		TS	Luật				7380107	Luật kinh tế
36	Bùi Văn Tuấn	Nam		TS	Quản lý giáo dục				7380107	Luật kinh tế
37	Nguyễn Thị Nga	Nữ		TS	Quản lý đô thị				7380107	Luật kinh tế
38	Nguyễn Huy Oanh	Nam		TS	Kinh tế quốc tế				7380107	Luật kinh tế
39	Nguyễn Tuấn Anh	Nam		TS	Kinh tế				7340201	Tài chính - Ngân hàng
40	Lê Chí Trung	Nam		ThS	Sản khoa				7720301	Điều dưỡng
41	Ngô Quang Bình	Nam		ThS	Hóa học				7720301	Điều dưỡng
42	Vũ Thị Ngọc Hà	Nữ		ThS	Điều dưỡng				7720301	Điều dưỡng
43	Đào Xuân Thu	Nam		ThS	Kiểm soát gen trên thực vật				7720301	Điều dưỡng
44	Trần Thị Thanh Tâm	Nữ		ThS	Điều dưỡng				7720301	Điều dưỡng
45	Nguyễn Văn Thủ	Nam		ThS	Điều dưỡng				7720301	Điều dưỡng
46	Lê Thị Thanh Tâm	Nữ		ThS	Điều dưỡng				7720301	Điều dưỡng
47	Võ Thị Lành	Nữ		ThS	Kinh tế và Quản trị sức khỏe				7720301	Điều dưỡng
48	Trần Thị Lan Hương	Nữ		ThS	Điều dưỡng				7720301	Điều dưỡng
49	Nguyễn Hữu Thiện	Nam		ThS	Tâm thần học				7720301	Điều dưỡng
50	Nguyễn Quang	Nam		ThS	Dược lâm sàng				7720301	Điều dưỡng

	Trung									
51	Đỗ Hải Đông	Nam		ThS	Điều dưỡng				7720301	Điều dưỡng
52	Vũ Đức Càn	Nam		TS	Y học cổ truyền				7720301	Điều dưỡng
53	Nguyễn Thị Phương Dung	Nữ		TS	Nội Khoa				7720301	Điều dưỡng
54	Đào Thị Hằng	Nữ		ThS	Dược học				7720301	Điều dưỡng
55	Lương Văn Hưng	Nam		ThS	Nội khoa				7720301	Điều dưỡng
56	Phạm Khang	Nam		ThS	Hồi sức cấp cứu				7720301	Điều dưỡng
57	Trịnh Thị Khanh	Nữ		TS	Y học				7720301	Điều dưỡng
58	Vũ Phạm Phương Mai	Nữ		TS	Tâm thần				7720301	Điều dưỡng
59	Phạm Xuân Ninh	Nam		TS	Sinh học				7720301	Điều dưỡng
60	Lương Văn Phong	Nam		ThS	Nhi khoa				7720301	Điều dưỡng
61	Lưu Viết Tĩnh	Nam		TS	Kinh tế y tế				7720301	Điều dưỡng
62	Trần Quang Trung	Nam		TS	Y tế công cộng				7720301	Điều dưỡng

1.3. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành giáo dục Mầm non.

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Mã ngành	Tên ngành	Thâm niên công tác	Tên doanh nghiệp
1	Nguyễn Việt Thắng	Nam		TS	Tổ chức và Quản lý vận tải	x				
2	Vũ Mai Duyên	Nữ		ThS	Tiếng Anh	x				
3	Nguyễn Cẩm Nhung	Nữ		TS	Tiếng Anh	x				
4	Bùi Thị Thu Thủy	Nữ		ThS	Quản lý giáo dục	x				
5	Lưu Viết Thủy	Nam		ThS	Sinh học	x				
6	Đào Thanh Tùng	Nam		ThS	Toán học	x				
7	Hoàng Nam Hải	Nam		ThS	Tiếng Anh	x				
8	Đặng Anh Tuấn	Nam		TS	Kinh tế		7340101	Quản trị kinh doanh		
9	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ		TS	Kinh tế		7340101	Quản trị kinh doanh		
10	Nguyễn Đăng Tuệ	Nam		TS	Kinh tế		7340101	Quản trị kinh doanh		
11	Nguyễn Quang Vĩnh	Nam		TS	Kinh doanh		7340101	Quản trị kinh doanh		
12	Nguyễn Đoan Trang	Nữ		TS	Kinh tế		7340101	Quản trị kinh doanh		
13	Nguyễn Thị Giang	Nữ		TS	Kinh tế quốc tế		7340101	Quản trị kinh doanh		
14	Nguyễn Văn Hải	Nam	Giáo sư	TS	Quản trị kinh doanh		7340101	Quản trị kinh doanh		
15	Nguyễn Quốc Huy	Nam		TS	Kinh tế		7340101	Quản trị kinh doanh		
16	Phạm Tiến Sỹ	Nam		ThS	Kinh tế		7340101	Quản trị kinh doanh		
17	Nguyễn Tất Thắng	Nam		TS	Kinh tế học		7340101	Quản trị kinh doanh		
18	Lê Quang Thắng	Nam		TS	Kinh tế		7340301	Kế toán		

19	Nguyễn Thị Lòì	Nữ	Phó giáo sư	TS	Kinh tế - Kế toán	7340301	Kế toán		
20	Nguyễn Xuân Hưng	Nam		TS	Kinh tế	7340301	Kế toán		
21	Trương Bảo Thanh	Nam		TS	Kinh tế	7340301	Kế toán		
22	Lê Ngọc Lân	Nam		TS	Quản lý kinh tế	7340301	Kế toán		
23	Phạm Thị Kim Ngọc	Nữ		TS	Kinh tế	7340301	Kế toán		
24	Ngô Thắng Lợi	Nam	Giáo sư	TS	Kinh tế	7340301	Kế toán		
25	Phạm Tiến Bình	Nam		TS	Kinh tế	7340301	Kế toán		
26	Phạm Văn Công	Nam		TS	Kinh tế	7340301	Kế toán		
27	Lê Hùng Sơn	Nam	Phó giáo sư	TS	Kinh tế	7340301	Kế toán		
28	Từ Thị Xuyên	Nữ		TS	Kinh tế	7340301	Kế toán		
29	Bùi Đức Hiền	Nam		TS	Luật Kinh tế	7380107	Luật kinh tế		
30	Phạm Thị Hương Lan	Nữ		TS	Luật	7380107	Luật kinh tế		
31	Phạm Văn Hào	Nam		TS	Luật	7380107	Luật kinh tế		
32	Dương Đức Chính	Nam	Phó giáo sư	TS	Luật	7380107	Luật kinh tế		
33	Đặng Công Hiến	Nam		TS	Luật Kinh tế	7380107	Luật kinh tế		
34	Lê Văn Sơn	Nam		ThS	Luật học	7380107	Luật kinh tế		
35	Đào Thanh Bình	Nam		TS	Tài chính	7340201	Tài chính - Ngân hàng		
36	Nguyễn Ái Đoàn	Nam	Phó giáo sư	TS	Kinh tế	7340201	Tài chính - Ngân hàng		
37	Nguyễn Anh Hoàng	Nam	Phó giáo sư	TS	Kinh tế	7340201	Tài chính – Ngân hàng		
38	Lưu Thái Bình	Nam		TS	Kinh tế	7340201	Tài chính - Ngân hàng		
39	Phạm Duy Quang	Nam		ThS	Y học hình thái	7720301	Điều dưỡng		
40	Trần Thị Hiền	Nữ		TS	Y học dân tộc	7720301	Điều dưỡng		
41	Chu Văn Cầm	Nam		ThS	Hội sức cấp	7720301	Điều dưỡng		

					cứu					
42	Nguyễn Thị Ngọc Cần	Nữ		ThS	Điều dưỡng		7720301	Điều dưỡng		
43	Bùi Thành Đạt	Nam		ThS	Y học		7720301	Điều dưỡng		
44	Nguyễn Thị Dung	Nữ		ThS	Khoa học y sinh		7720301	Điều dưỡng		
45	Phạm Thị Hà	Nữ		ThS	Điều dưỡng		7720301	Điều dưỡng		
46	Nguyễn Việt Hưng	Nam		ThS	Răng hàm mặt		7720301	Điều dưỡng		
47	Nguyễn Hồng Nga	Nữ		ThS	Nội khoa		7720301	Điều dưỡng		
48	Nguyễn Trọng Nghĩa	Nam		ThS	Điều dưỡng		7720301	Điều dưỡng		
49	Nguyễn Thành Phước	Nam		ThS	Vi sinh vật học		7720301	Điều dưỡng		
50	Hoàng Việt Phương	Nam		ThS	Y đa khoa		7720301	Điều dưỡng		
51	Nguyễn Duy Thái	Nam		TS	Quản lý y tế		7720301	Điều dưỡng		
52	Lê Huy Thành	Nam		ThS	Y học		7720301	Điều dưỡng		
53	Nguyễn Văn Tinh	Nam		ThS	Đa khoa		7720301	Điều dưỡng		
54	Hoàng Thanh Toàn	Nam		ThS	Y học		7720301	Điều dưỡng		
55	Trần Thị Tuyền	Nữ		ThS	Khoa học y sinh		7720301	Điều dưỡng		
56	Đặng Thị Mai Anh	Nữ		ThS	Y học		7720301	Điều dưỡng		
57	Trần Thị Thanh Hoa	Nữ		TS	Y học		7720301	Điều dưỡng		
58	Nguyễn Thị Hoa	Nữ		ThS	Y học		7720301	Điều dưỡng		
59	Nguyễn Thùy Hương	Nữ		ThS	Y học		7720301	Điều dưỡng		
60	Võ Thanh Huyền	Nữ		ThS	Y học cổ truyền		7720301	Điều dưỡng		

III. Các thông tin của năm tuyển sinh

1. Tuyển sinh chính quy trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non chính quy (không bao gồm liên thông chính quy từ TC, CĐ lên ĐH, ĐH đối với người có bằng ĐH; từ TC lên CĐ, CĐ ngành Giáo dục Mầm non đối với người có bằng CĐ)

1.1 Đối tượng tuyển sinh

- Mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội hoặc hoàn cảnh kinh tế, nếu có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký xét tuyển vào đại học chính quy của Trường Đại Trưng Vương:

+ Đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên;

+ Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học, Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho đăng ký xét tuyển tùy tình trạng sức khoẻ và yêu cầu của ngành học;

+ Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký xét tuyển theo quy định;

- Những người không đủ các điều kiện kể trên và những người thuộc diện dưới đây không được dự tuyển, gồm:

+ Không chấp hành Luật nghĩa vụ quân sự;

+ Đang trong thời kỳ thi hành án hình sự;

+ Bị tước quyền dự thi tuyển sinh hoặc bị kỷ luật buộc thôi học chưa đủ hai năm (tính từ năm bị tước quyền dự thi hoặc ngày ký quyết định kỷ luật đến ngày dự thi)

+ Học sinh, sinh viên chưa được Hiệu trưởng cho phép dự tuyển (bằng văn bản); cán bộ, công chức, người lao động thuộc các cơ quan, doanh nghiệp Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân chưa được thủ trưởng cơ quan cho phép đi học.

1.2 Phạm vi tuyển sinh

- Tuyển sinh trong cả nước

1.3 Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

- Thi tuyển;

- Xét tuyển;

- Kết hợp thi tuyển và xét tuyển;

- Phương thức khác

1.4 Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

a) Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo: Ghi rõ số, ngày ban hành quyết định chuyển đổi tên ngành của cơ quan có thẩm quyền hoặc quyết định của trường (nếu được cho phép tự chủ) đối với Ngành trong Nhóm ngành, Khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo theo quy định của pháp luật;

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành	Ngày tháng năm ban hành số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo
1	Kế toán	7340301	4046/QĐ-BGDĐT	16/09/2010	Bộ Giáo Dục và Đào tạo	2010
2	Luật kinh tế	7380107	5410/QĐ-BGDĐT	16/11/2016	Bộ Giáo Dục và Đào tạo	2017
3	Điều dưỡng	7720301	3500/QĐ-BGDĐT	15/09/2017	Bộ Giáo Dục và Đào tạo	2017
4	Quản trị kinh doanh	7340101	4046/QĐ-BGDĐT	16/09/2010	Bộ Giáo Dục và Đào tạo	2010
5	Tài chính - Ngân hàng	7340201	4046/QĐ-BGDĐT	16/09/2010	Bộ Giáo Dục và Đào tạo	2010

b) Chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành/ nhóm ngành/ khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo.

STT	Ngành học	Mã ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)		Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
			Xét theo kết quả thi THPT	Theo phương thức khác	Mã tổ hợp	Môn thi chính	Mã tổ hợp	Môn thi chính	Mã tổ hợp	Môn thi chính	Mã tổ hợp	Môn thi chính
1	Các ngành đào tạo đại học											
1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	100	300	A00	TO	A01	TO	C01	TO	C09	VA
1.2	Tài chính - Ngân hàng	7340201	100	168	A00	TO	A01	TO	C01	TO	C09	VA
1.3	Kế toán	7340301	100	300	A00	TO	A01	TO	C01	TO	C09	VA
1.4	Luật Kinh tế	7380107	100	300	A00	TO	A01	TO	C01	TO	C09	VA
1.5	Điều dưỡng	7720301	100	419	A00	TO	A01	LI	A02	TO	B00	TO

1.5 Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

- Theo phương thức xét kết quả thi THPT.
- Kiểm tra chất lượng đầu vào do trường Đại học Trung Vương tự tổ chức.
- Đảm bảo các yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.6 Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

- Mã trường: DVP
- Mã số ngành, tổ hợp xét tuyển:

Số TT	Các ngành đại học chính quy	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
1	Quản trị kinh doanh	7340101	<ul style="list-style-type: none">• A00 (Toán - Lý - Hóa),• A01 (Toán - Lý - Anh),• C01 (Toán - Văn - Lý),• C09 (Văn - Lý - Địa)
2	Tài chính ngân hàng	7340201	<ul style="list-style-type: none">• A00 (Toán - Lý - Hóa),• A01 (Toán - Lý - Anh),• C01 (Toán - Văn - Lý),
3	Kế toán	7340301	<ul style="list-style-type: none">• A00 (Toán - Lý - Hóa),• A01 (Toán - Lý - Anh),• C01 (Toán - Văn - Lý),• C09 (Văn - Lý - Địa)
4	Luật kinh tế	7380107	<ul style="list-style-type: none">• A00 (Toán - Lý - Hóa),• A01 (Toán - Lý - Anh),• C01 (Toán - Văn - Lý),• C09 (Văn - Lý - Địa)
5	Điều dưỡng	7720301	<ul style="list-style-type: none">• A00 (Toán - Lý - Hóa);• A01 (Toán - Lý - Anh),• A02 (Toán - Lý - Sinh)• B00 (Toán , Hóa, Sinh);

1.7 Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...

- Tổ chức nhận hồ sơ tuyển sinh liên tục trong năm.
- Nộp trực tiếp tại Trường Đại Học Trung Vương, xã Kim Long, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc (km số 5 – Quốc lộ 2B);
- Gửi phát nhanh qua bưu điện về: Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Trung Vương;

địa chỉ: xã Kim Long, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, số điện thoại: 02113.570.917

- Đăng ký trực tuyến (online): thí sinh vào website tuyển sinh của Trường theo địa chỉ: (www : dhtv.edu.vn), để thực hiện điền hồ sơ trực tuyến (online) theo hướng dẫn.
- Hồ sơ xét tuyển:
 - + 01 Đơn đăng kí học (theo mẫu) - tại website: www : dhtv.edu.vn
 - + 01 Bằng tốt nghiệp THPT đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2020 hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2021 (photo công chứng);
 - + 01 Học bạ THPT (photo công chứng);
 - + Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có);

1.8 Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển;...

- Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy chế tuyển sinh trình độ Đại học ban hành kèm theo thông tư 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/05/2020 của Bộ GD&ĐT.

1.9 Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

- Lệ phí đăng ký xét tuyển kết quả thi THPT là 25.000đ/thí sinh/nguyện vọng.

1.10 Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

- Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước: Theo Thông tư số 25/2013/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 08 tháng 03 năm 2013 do Liên Bộ Tài chính – GD&ĐT ban hành về chế độ thu và sử dụng phí dự thi, lệ phí tuyển sinh và các quy định bổ sung.

1.11 Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

1.12 Thông tin triển khai đào tạo ưu tiên trong đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực Du lịch/ Công nghệ thông tin trình độ đại học (xác định rõ theo từng giai đoạn với thời gian xác định cụ thể).

1.12.1. Tên doanh nghiệp các nội dung hợp tác giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp đối tác và trách nhiệm của mỗi bên; trách nhiệm đảm bảo đảm bảo việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp.

1.12.2. Tổng số GV cơ hữu quy đổi; tổng số GV thỉnh giảng quy đổi; tổng số chỉ tiêu theo quy định chung; tổng số chỉ tiêu tăng thêm theo quy định đặc thù

1.12.3. Các thông tin khác triển khai áp dụng cơ chế đặc thù trong đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực Du lịch/ Công nghệ thông tin trình độ đại học (không trái quy định hiện hành)....

1.13 Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất)

1.13.1. Năm tuyển sinh 2019

Khối ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV/HS trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất đã khảo sát so với năm tuyển sinh
------------	---------------------	-------------------------------	------------------	---

	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP
Khối ngành III	460	0	873	0	217	0	92	0
Khối ngành VI	200	0	353	0	0	0	0	0

1.13.2 Năm tuyển sinh 2020

Khối ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh		Số SV/HS trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã cs việc làm thống kê cho 2 khoá tốt nghiệp gần nhất đã khảo sát so với năm tuyển sinh	
	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP
Khối ngành III	420	0	830	0	943	0	92	0
Khối ngành VI	150	0	37	0	0	0	0	0

1.14 Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 6.650.000.000
- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 9.354.000

2. Tuyển sinh vừa làm vừa học trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non (Không bao gồm chỉ tiêu liên thông VLVH trình độ ĐH, trình độ CĐ Ngành Giáo dục Mầm non và đào tạo văn bằng 2 VLVH)

2.1 Đối tượng tuyển sinh

- Mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội hoặc hoàn cảnh kinh tế, nếu có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký xét tuyển vào đại học chính quy của Trường Đại Trung Vương.
 - Đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên;
 - Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học, Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho đăng ký xét tuyển tùy tình trạng sức khoẻ và yêu cầu của ngành học;
 - Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký xét tuyển theo quy định;
 - Những người không đủ các điều kiện kể trên và những người thuộc diện dưới đây không được dự tuyển, gồm:
 - + Không chấp hành Luật nghĩa vụ quân sự;
 - + Đang trong thời kỳ thi hành án hình sự;
 - + Bị tước quyền dự thi tuyển sinh hoặc bị kỷ luật buộc thôi học chưa đủ hai năm (tính từ năm bị tước quyền dự thi hoặc ngày ký quyết định kỷ luật đến ngày dự thi);

+ Học sinh, sinh viên chưa được Hiệu trưởng cho phép dự tuyển (bằng văn bản); cán bộ, công chức, người lao động thuộc các cơ quan, doanh nghiệp Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân chưa được thủ trưởng cơ quan cho phép đi học.

2.2 Phạm vi tuyển sinh

- Tuyển sinh trong cả nước.

2.3 Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

- Thi tuyển;
- Xét tuyển;
- Kết hợp thi tuyển và xét tuyển;
- Phương thức khác.

2.4 Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

STT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số QĐ đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo
1	Kế toán	7340301	150	4046/QĐ- BGDĐT	20/09/2016	Bộ GDĐT	2010
2	Quản trị kinh doanh	7340101	150	4046/QĐ- BGDĐT	20/09/2016	Bộ GDĐT	2010
3	Luật kinh tế	7380107	150	5410/QĐ- BGDĐT	16/11/2016	Bộ GDĐT	2017
4	Tài chính ngân hàng	7340201	62	4046/QĐ- BGDĐT	20/09/2016	Bộ GDĐT	2010
5	Điều dưỡng	7720301	156	3500/QĐ- BGDĐT	20/09/2015	Bộ GDĐT	2017

2.5 Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

- Theo phương thức xét hồ sơ sinh viên kết hợp với kiểm tra chất lượng đầu vào do Trường Đại học Trưng Vương tổ chức.
- Đảm bảo các yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.6 Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

- Mã trường: DVP
- Mã số ngành, tổ hợp xét tuyển:

<i>Số TT</i>	<i>Các ngành đại học chính quy</i>	<i>Mã ngành</i>	<i>Tổ hợp môn xét tuyển</i>
1	Quản trị kinh doanh	7340101	<ul style="list-style-type: none"> • A00 (Toán - Lý - Hóa), • A01 (Toán - Lý - Anh), • C01 (Toán - Văn - Lý), • C09 (Văn - Lý - Địa)
2	Tài chính ngân hàng	7340201	<ul style="list-style-type: none"> • A00 (Toán - Lý - Hóa), • A01 (Toán - Lý - Anh), • C01 (Toán - Văn - Lý),
3	Kế toán	7340301	<ul style="list-style-type: none"> • A00 (Toán - Lý - Hóa), • A01 (Toán - Lý - Anh), • C01 (Toán - Văn - Lý), • C09 (Văn - Lý - Địa)
4	Luật kinh tế	7380107	<ul style="list-style-type: none"> • A00 (Toán - Lý - Hóa), • A01 (Toán - Lý - Anh), • C01 (Toán - Văn - Lý), • C09 (Văn - Lý - Địa)
5	Điều dưỡng	7720301	<ul style="list-style-type: none"> • A00 (Toán - Lý - Hóa); • A01 (Toán - Lý - Anh), • A02 (Toán - Lý - Sinh) • B00 (Toán , Hóa, Sinh);

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...

- Tổ chức nhận hồ sơ tuyển sinh liên tục trong năm.
- Nộp trực tiếp tại Trường Đại Học Trưng Vương, xã Kim Long, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc (km số 5 – Quốc lộ 2B);
- Gửi phát nhanh qua bưu điện về: Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Trưng Vương; địa chỉ: xã Kim Long, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, số điện thoại: 02113.570.917
- Đăng ký trực tuyến (online): thí sinh vào website tuyển sinh của Trường theo địa chỉ: (www : dhtv.edu.vn), để thực hiện điền hồ sơ trực tuyến (online) theo hướng dẫn.

*** Hồ sơ xét tuyển:**

- 01 Đơn đăng kí học (theo mẫu) - tại website: www : dhtv.edu.vn
- 01 Bằng tốt nghiệp THPT đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2020 hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2021 (photo công chứng);
- 01 Học bạ THPT (photo công chứng);
- Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có);

- 01 Giấy khai sinh (bản sao);
- Chứng minh thư nhân dân (photo công chứng);
- 02 ảnh 3x4 (sau ảnh ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm sinh);

2.8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

- Lệ phí thi hoặc xét tuyển là 25.000 đồng/thí sinh/môn thi

2.9. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

- Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước: Theo Thông tư số 25/2013/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 08 tháng 03 năm 2013 do Liên Bộ Tài chính – GD&ĐT ban hành về chế độ thu và sử dụng phí dự thi, lệ phí tuyển sinh và các quy định bổ sung.

2.10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

2.12. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

STT	Tiêu đề	Nội dung
1	Tuyển sinh vừa làm vừa học	Thời gian từ 01/04/2021 đến 30/06/2021
2	Tuyển sinh vừa làm vừa học	Thời gian từ 01/10/2021 đến 31/12/2021

3 Tuyển sinh liên thông trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non các cho hình thức đào tạo chính quy và vừa làm vừa học

3.1 Đối tượng tuyển sinh

- Mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội hoặc hoàn cảnh kinh tế, nếu có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký xét tuyển vào đại học chính quy của Trường Đại Trung Vương:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên và bằng cao nhất của bậc học;

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học, Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho đăng ký xét tuyển tùy tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành học;

- Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký xét tuyển theo quy định;

- Những người không đủ các điều kiện kể trên và những người thuộc diện dưới đây không được dự tuyển, gồm:

- + Không chấp hành Luật nghĩa vụ quân sự;
- + Đang trong thời kỳ thi hành án hình sự;

- + Bị tước quyền dự thi tuyển sinh hoặc bị kỷ luật buộc thôi học chưa đủ hai năm (tính từ năm bị tước quyền dự thi hoặc ngày ký quyết định kỷ luật đến ngày dự thi);
- + Học sinh, sinh viên chưa được Hiệu trưởng cho phép dự tuyển (bằng văn bản); cán bộ, công chức, người lao động thuộc các cơ quan, doanh nghiệp Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân chưa được thủ trưởng cơ quan cho phép đi học.

3.2 Phạm vi tuyển sinh

- Tuyển sinh trong cả nước.

3.3 Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

- Thi tuyển; Xét tuyển; Kết hợp thi tuyển và xét tuyển;
- Phương thức khác

3.4 Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu chính quy (dự kiến)	Chỉ tiêu VLV H (dự kiến)	Số QĐ đào tạo LT	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo
1	Trình độ đại học	Điều dưỡng	7720301	0	0	3500/QĐ-BGDĐT	20/09/2015	Bộ GDĐT	2017
2	Trình độ đại học	Quản trị kinh doanh	7340101	30	10	4046/QĐ-BGDĐT	20/09/2016	Bộ GDĐT	2010
3	Trình độ đại học	Luật Kinh tế	7380107	148	50	5410/QĐ-BGDĐT	20/11/2016	Bộ GDĐT	2017
4	Trình độ đại học	Kế toán	7340301	30	15	4046/QĐ-BGDĐT	20/09/2016	Bộ GDĐT	2010
5	Trình độ đại học	Tài chính – ngân hàng	7340201	30	0	4046/QĐ-BGDĐT	20/09/2016	Bộ GDĐT	2010

3.5 Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

- Kiểm tra chất lượng đầu vào do trường Đại học Trưng Vương tự tổ chức.
- Đảm bảo các yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.6 Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường

- Mã trường: DVP
- Thi tuyển/xét tuyển:
 - + Cơ sở ngành
 - + Chuyên ngành
 - + Điều kiện

3.7 Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển;

- Tổ chức nhận hồ sơ tuyển sinh liên tục trong năm.
- Nộp trực tiếp tại Trường Đại Học Trung Vương, xã Kim Long, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc (km số 5 – Quốc lộ 2B);
- Gửi phát nhanh qua bưu điện về: Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Trung Vương; địa chỉ: xã Kim Long, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, số điện thoại: 02113.570.917
- Đăng ký trực tuyến (online): thí sinh vào website tuyển sinh của Trường theo địa chỉ: (www : dhtv.edu.vn), để thực hiện điền hồ sơ trực tuyến (online) theo hướng dẫn.

*** Hồ sơ xét tuyển:**

- 01 Đơn đăng kí học (theo mẫu) - tại website: www : dhtv.edu.vn
- 01 Bằng tốt nghiệp THPT đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2020 hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2021 (photo công chứng) và bằng cao nhất của bậc học;
- 01 Học bạ THPT (photo công chứng);
- Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có);
- 01 Giấy khai sinh (bản sao);
- Chứng minh thư nhân dân (photo công chứng);
- 02 ảnh 3x4 (sau ảnh ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm sinh);

3.8 Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

- Lệ phí thi tuyển/xét tuyển là 25.000 đồng/thí sinh/môn thi

3.9 Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

- Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước: Theo Thông tư số 25/2013/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 08 tháng 03 năm 2013 do Liên Bộ Tài chính – GD&ĐT ban hành về chế độ thu và sử dụng phí dự thi, lệ phí tuyển sinh và các quy định bổ sung.

3.10 Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

STT	Tiêu đề	Nội dung
1	Tuyển sinh vừa làm vừa học	Thời gian từ 01/04/2021 đến 30/06/2021
2	Tuyển sinh vừa làm vừa học	Thời gian từ 01/10/2021 đến 31/12/2021

3.11 Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành...)

Cán bộ kê khai

HIỆU TRƯỞNG